

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo quyết định số 365/QĐ-CDYT ngày 03 tháng 12 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh)

Tên ngành:	KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC
Mã ngành:	6720602
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	03 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Kỹ thuật viên Cao đẳng xét nghiệm có kiến thức khoa học cơ bản, Y học cơ sở, kiến thức kỹ năng chuyên ngành để thực hiện kỹ thuật xét nghiệm; có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, tác phong thận trọng, chính xác; có khả năng tự học tập vươn lên và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

1.2.1.1 Kiến thức chung

- *Nhận thức chính trị:* Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; Chính sách, pháp luật của nhà nước; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; có khả năng nắm bắt tình hình thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- *Kiến thức khoa học cơ bản:* Có kiến thức về các môn khoa học cơ bản, về toán cao cấp, xác suất thống kê ứng dụng trong quản lý và Nghiên cứu Hộ sinh. Đặc biệt là kiến thức về sinh học và di truyền có liên quan đến "các nguyên



lý sinh học Y học" để ứng dụng vào kiến thức lý thuyết chuyên ngành và thực tiễn.

1.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành

- Có đủ kiến thức về y học cơ sở, nguyên lý kỹ thuật - công nghệ và kiến thức chuyên ngành thuộc ngành Xét nghiệm y học;
- Có kiến thức về các nguyên lý, qui tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị thuộc ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học;
- Có kiến thức về pháp luật và các chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm lâm sàng thông thường và ứng dụng những kỹ thuật mới trong hoạt động chuyên ngành.
- Phối hợp với đồng nghiệp thực hiện các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng.
- Thực hiện, kiểm tra và giám sát các quy chế vô khuẩn, quy định về sử dụng hoá chất, sinh phẩm chuyên dụng và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm.
- Tham gia tổ chức và quản lý hoạt động của một phòng xét nghiệm y sinh học.
- Thực hiện được các biện pháp đảm bảo chất lượng và kiểm tra chất lượng xét nghiệm.
- Tham gia nghiên cứu khoa học
- Tham gia đào tạo cho KTV Xét nghiệm ở trình độ thấp hơn và tự đào tạo để nâng cao trình độ.

1.2.3. Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp;
- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên.

1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Kỹ thuật viên Xét nghiệm Y học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại Khoa Xét nghiệm các bệnh viện từ tuyến cơ sở đến tuyến TW, tại các cơ sở Y tế tư nhân, các trung tâm Xét nghiệm, hướng dẫn thực hành tại các cơ sở đào tạo ngành Kỹ thuật Xét nghiệm trung cấp và Cao đẳng.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 40 môn học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học:	115 tín chỉ (3004 giờ)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương:	525 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn:	2479 giờ
- Khối lượng lý thuyết:	775 giờ
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm:	2122 giờ
- Kiểm tra:	107 giờ

3. Nội dung chương trình

3.1. Môn học/mô đun

Mã học phần	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	28	525	287	211	27
MH 1	Chính trị	4	75	41	29	5
MH 2	Ngoại ngữ (I, II)	6	120	57	57	6
MH 3	Tin học	2	45	14	29	2
MH 4	Xác suất, Thống kê y học	2	30	29	0	1
MH 5	Sinh học và Di truyền	2	30	29	0	1
MH 6	Hóa học	2	30	29	0	1
MH 7	Vật lý đại cương và Lý sinh	2	30	29	0	1
MH 8	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 9	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 10	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	4	75	36	35	4
II	Các môn học chuyên môn					
1	Môn học cơ sở	26	537	263	251	23
MH 11	Giải phẫu- Sinh lý	4	90	28	58	4
MH 12	Giải phẫu bệnh	2	48	15	30	3
MH13	Sinh lý bệnh	2	30	29	0	1

MH 14	Dược lý	2	30	29	0	1
MH 15	Điều dưỡng cơ sở và CCBD	3	75	14	58	3
MH 16	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người - Dinh dưỡng - Tiết chế	2	32	30	0	2
MH 17	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh - Dịch tễ các bệnh truyền nhiễm	3	45	43	0	2
MH 18	Y đức và Tổ chức Y tế	2	32	30	0	2
MH 19	Bệnh học cơ sở	4	93	30	60	3
MH 20	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	62	15	45	2
2	Môn học chuyên môn	52	1597	225	1320	52
MH 21	XN cơ bản	3	78	15	60	3
MH 22	Đảm bảo chất lượng xét nghiệm	2	32	30	0	2
MH 23	XN Hóa sinh 1	2	47	15	30	2
MH 24	XN Hóa sinh 2	3	78	15	60	3
MH 25	Ký sinh trùng 1	3	78	15	60	3
MH 26	Ký sinh trùng 2	2	47	15	30	2
MH 27	Ký sinh trùng 3	2	62	0	60	2
MH 28	Vi sinh 1	3	78	15	60	3
MH 29	Vi sinh 2	2	47	15	30	2
MH 30	Vi sinh 3	2	62	0	60	2
MH 31	Hóa phân tích	3	78	15	60	3
MH 32	Huyết học tế bào	3	78	15	60	3
MH 33	Huyết học đông máu-truyền máu	3	78	15	60	3
MH 34	Độc chất học lâm sàng	2	32	30	0	2
MH 35	Thực hành Nghiên cứu khoa học	2	47	15	30	2
MH 36	Thực hành xét nghiệm 1	5	225	0	220	5
MH 37	Thực hành xét nghiệm 2	5	225	0	220	5
MH 38	Thực hành xét nghiệm 3	5	225	0	220	5

3	PHẦN TỐT NGHIỆP	9	345	0	340	5
MH 39	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	220	5
MH 40	Đánh giá năng lực cuối khóa	4	120	0	120	0
	Tổng số	115	3004	775	2122	107

3.2. Phân bố thời gian học

Mã học phần	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Học kì I					
MH 1	Chính trị	4	75	41	29	5
MH 3	Tin học	2	45	14	29	2
MH 5	Sinh học và Di truyền	2	30	29	0	1
MH 6	Hóa học	2	30	29	0	1
MH 7	Vật lý đại cương và Lý sinh	2	30	29	0	1
MH 9	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH10	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	4	75	36	35	4
	Tổng cộng	18	345	183	144	18
II.	Học kì II					
MH 4	Xác suất, Thống kê y học	2	30	29	0	1
MH13	Sinh lý bệnh	2	30	29	0	1
MH 8	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 11	Giải phẫu- Sinh lý	4	90	28	58	4
MH 14	Dược lý	2	30	29	0	1
MH18	Y đức và Tổ chức Y tế	2	32	30	0	2
MH 2	Ngoại ngữ (I, II)	6	120	57	57	6
	Tổng cộng	20	362	220	125	17
III.	Học kì III					
MH 12	Giải phẫu bệnh	2	48	15	30	3

MH 15	Điều dưỡng cơ sở và CCBD	3	75	14	58	3
MH19	Bệnh học cơ sở	4	93	30	60	3
MH31	Hóa phân tích	3	78	15	60	3
MH21	XN cơ bản	3	78	15	60	3
MH 17	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh - Dịch tễ các bệnh truyền nhiễm	3	45	43	0	2
	Tổng cộng	18	417	132	268	17
IV.	Học kì IV					
MH23	XN Hóa sinh 1	2	47	15	30	2
MH25	Ký sinh trùng 1	3	78	15	60	3
MH28	Vi sinh 1	3	78	15	60	3
MH32	Huyết học tế bào	3	78	15	60	3
MH33	Huyết học đông máu-truyền máu	3	78	15	60	3
MH36	Thực hành xét nghiệm 1	5	225	0	220	5
	Tổng cộng	19	584	75	490	19
V.	Học kì V					
MH24	XN Hóa sinh 2	3	78	15	60	3
MH26	Ký sinh trùng 2	2	47	15	30	2
MH29	Vi sinh 2	2	47	15	30	2
MH20	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	62	15	45	2
MH22	Đảm bảo chất lượng xét nghiệm	2	32	30	0	2
MH30	Vi sinh 3	2	62	0	60	2
MH37	Thực hành xét nghiệm 2	5	225	0	220	5
	Tổng cộng	18	553	90	445	18
VI.	Học kì VI					
MH27	Ký sinh trùng 3	2	62	0	60	2
MH 16	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người - Dinh dưỡng - Tiết chế	2	32	30	0	2
MH34	Độc chất học lâm sàng	2	32	30	0	2

MH35	Thực hành Nghiên cứu khoa học	2	47	15	30	2
MH38	Thực hành xét nghiệm 3	5	225	0	220	5
MH39	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	220	5
	Tổng cộng	18	623	75	530	18

4. Hướng dẫn thực hiện Chương trình

4.1. Hướng dẫn xác định thời gian học tập và các hoạt động ngoại khóa

Khóa đào tạo được thực hiện trong 3 năm, mỗi năm có 2 học kỳ chính và một học kỳ hè. Học kỳ chính có 15 tuần thực học, 2 tuần thi, 1 tuần dự trữ. Học kỳ hè có 6 tuần thực hiện cho cả việc học và thi. Ngoài ra sinh viên được nghỉ tết 2 tuần, nghỉ các ngày lễ theo quy định của nhà nước.

4.2. Hướng dẫn thi, kiểm tra các môn học

Mỗi môn học được đánh giá bằng 3 loại điểm: Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc môn học (các điểm này được quy định chi tiết trong từng đề cương môn học)

- Điểm kiểm tra thường xuyên: Do giảng viên chủ động về hình thức và chủ đề, qua việc đánh giá thường xuyên khi lên lớp. Trung bình cộng các điểm này (làm tròn đến phần nguyên) là điểm kiểm tra thường xuyên. Điểm này chiếm 20% trọng số điểm của môn học.

- Điểm kiểm tra định kỳ: Mỗi môn học có 1 điểm kiểm tra định kỳ, hình thức và thời gian do giáo viên giảng dạy quyết định, thang điểm 10 và làm tròn đến phần nguyên. Trọng số điểm này là 20% điểm môn học.

- Điểm thi kết thúc môn học: Kết thúc học kỳ, nhà trường tổ chức thi hết các môn trong học kỳ đó, kỳ thi hết môn được Hội đồng triển khai trên cơ sở bộ công cụ đánh giá do khoa xây dựng. Việc coi thi, chấm thi và công bố điểm thi theo quy trình và giám sát chặt chẽ. Điểm thi hết môn làm tròn đến phần nguyên và có trọng số 60% điểm môn học.

- Điểm môn học = 20%* Điểm kiểm tra thường xuyên + 20%*Điểm kiểm tra định kỳ + 60%* Điểm thi hết môn. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm môn học còn được quy đổi thành các điểm A, B, C, D, E tương ứng.

4.3. Hướng dẫn đánh giá tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

Sinh viên kết thúc khóa học sẽ được đánh giá tốt nghiệp bằng 1 kỳ thi năng lực cuối khóa. Hội đồng khoa học và đào tạo của nhà trường có trách nhiệm xây dựng tiêu chí và nội dung cho công cụ đánh giá này. Hội đồng tốt nghiệp có nhiệm vụ triển khai đánh giá theo công cụ đã ban hành, kế hoạch tổ chức kỳ thi đánh giá này được công khai trước ngày tổ chức ít nhất 5 tháng.

Những sinh viên như sau được xét công nhận tốt nghiệp:

- Đã hoàn thành khối lượng tín chỉ tích lũy theo Chương trình đã ban hành. 100% các môn học trong Chương trình đào tạo (Điểm các môn học $\geq 5,0$)
- Có Chứng chỉ giáo dục thể chất, giáo dục Quốc phòng và an ninh.
- Được đánh giá mức Đạt trong kỳ thi năng lực cuối khóa.
- Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính (học phí, bảo hiểm...) với nhà trường;
- Đang không trong thời kỳ truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có đơn đăng ký tốt nghiệp.

Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày ký Quyết định công nhận tốt nghiệp. Nhà trường sẽ tổ chức lễ tốt nghiệp và trao bằng cho người học.

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 12 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG *TS*



TS. Trần Xuân Hoan